

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1388/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ ông Cao Chu T, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

+ bà Phạm Thị Kim C, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Cao Chu T và bà Phạm Thị Kim C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn để trả tự do cho nhau.

[2]. Về con chung: giữa ông Cao Chu T và bà Phạm Thị Kim C có 04 (bốn) con chung là các cháu Cao Minh Kh, sinh ngày: 24/3/1995, Cao Minh T1, sinh ngày: 12/3/1997, Cao Kỳ D, sinh ngày: 16/10/2000 và Cao Minh Nh, sinh ngày: 28/9/2004. Đối với các cháu Kh, T1 và D đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông T, bà C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với cháu Nh thì ông T và bà C thống nhất thỏa thuận là sẽ giao lại cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm thời bà C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông T không có yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung: ông Cao Chu T và bà Phạm Thị Kim C tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4]. Về nợ chung: ông Cao Chu T và bà Phạm Thị Kim C xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: ông Cao Chu T và bà Phạm Thị Kim C phải nộp theo đúng quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Cao Chu T và bà Phạm Thị Kim C thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung:

1.2.1. Đối với các cháu Cao Minh Kh, sinh ngày: 24/3/1995, Cao Minh T1, sinh ngày: 12/3/1997 và Cao Kỳ D, sinh ngày: 16/10/2000 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông Cao Chu T và bà Phạm Thị Kim C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

1.2.2. Giao cháu Cao Minh Nh, sinh ngày: 28/9/2004 cho ông Cao Chu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm thời bà Phạm Thị Kim C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Cao Chu T không có yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

1.3. Về tài sản chung: ông Cao Chu T và bà Phạm Thị Kim C tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung: ông Cao Chu T và bà Phạm Thị Kim C xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**2. Về lệ phí Tòa án:** ông Cao Chu T và bà Phạm Thị Kim C mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) (đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009351 ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi cấp giấy ĐKKH;
- Lưu Hồ sơ việc dân sự, văn phòng.

#### **Thẩm phán**

**Nguyễn Thành Tân**